

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thái và ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1989 - Địa chỉ: Thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

* **Bị đơn:** Ông Hoàng Phương V, sinh năm 1977 - Địa chỉ: Khu phố 5, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông V vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T có nội dung như sau:**

Bà và ông Hoàng Phương V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 10/01/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà dọn về

sống tại số 42 đường Nguyễn Trãi, khu phố 5, phường Bình Tân, thị xã L (nhà cha mẹ ông V). Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V không chịu đi làm mà sống phụ thuộc vào cha mẹ ông V, bà nhiều lần khuyên can nhưng ông V không nghe nên vợ chồng lời qua tiếng lại thì ông V đánh bà. Ngoài ra, thì vợ chồng bà không có mâu thuẫn nào khác. Mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm 2020, bà lên Đ. N làm việc, từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc, mạnh ai nấy sống. Bà đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn hạnh phúc nhưng mỗi lần bà liên lạc qua điện thoại thì ông V có tình lẩn tránh. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông V nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Khi nộp đơn ly hôn bà báo cho ông V biết thì ông V nói bà muốn làm gì thì làm, ông không lên Tòa làm việc.

Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về phía bị đơn – Ông Hoàng Phương V:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông V không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa hôm nay ông V vắng mặt không lý do.

* Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của vợ chồng bà T – ông V nhưng địa phương nơi ông, bà sinh sống không biết vợ chồng ông, bà có mâu thuẫn hay không vì ông, bà không trình báo hay cãi nhau gây mất trật tự.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn ông V; Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thùy T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Hoàng Phương V hiện sinh sống và đăng ký thường trú tại khu phố

5, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Hoàng Phương V vắng mặt không lý do; Riêng nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Thùy T và ông Hoàng Phương V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 10/01/2017, vì vậy hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án nhiều lần khuyên can nhưng bà T vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông V vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Hoàng Phương V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông V không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy ông V bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà T, ông V thì xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông V không chịu đi làm mà sống phụ thuộc vào cha mẹ ông V, bà T nhiều lần khuyên can nhưng ông V không nghe nên vợ chồng lời qua tiếng lại thì ông V đánh bà T. Mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm 2020, bà T lên Đ. N làm việc, từ đó đến nay vợ chồng ông bà không liên lạc, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Bà T tìm cách để hàn gắn nhưng ông V cố tình né tránh, không muốn hàn gắn. Qua đó cho thấy, hành vi của ông V làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đó là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:** Vợ chồng bà T, ông V không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.3. **Về tài sản chung, nợ chung:** Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn”

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy T được ly hôn ông Hoàng Phương V.
 2. Về án phí: Bà Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004527 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà T đã nộp đủ án phí.
 3. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
- Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND p. B. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

